

Số: /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

6 tháng đầu năm, ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện vẫn còn một số khó khăn như: giá vật tư đầu vào cho sản xuất vẫn ở mức cao; đặc biệt là thời tiết khô hạn kéo dài gây cháy rừng, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và sinh trưởng, phát triển của cây trồng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, TP và Nhân dân đã tập trung chỉ đạo sản xuất, phát huy tối đa các nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết để phát triển ngành, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, đảm bảo an sinh xã hội. Đến nay cơ bản các chỉ tiêu được giao bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định.

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Trong 6 tháng đầu năm, người dân tích cực trồng trọt, gieo cấy và khắc phục những khó khăn do khô hạn kéo dài gây ra, kết quả:

- Tổng sản lượng thực có hạt ước đạt 47.440 tấn (thóc 37.940 tấn, ngô 9.500 tấn), đạt 21% so với Kế hoạch, tăng 260 tấn so với cùng kỳ năm trước (CKNT). Lúa đông xuân 2022- 2023: Diện tích gieo cấy 6.800 ha, đạt 100,2% KH, năng suất ước đạt 55,8 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với CKNT; sản lượng ước đạt 37.940 tấn, đạt 100,1% KH.

Vụ Đông xuân 2022-2023 đã triển khai được 1.475 ha lúa hàng hóa tập trung sử dụng giống lúa chất lượng như: J02, Ség cù, Hương thơm số 1, Nếp 97, DS1, Vass 16, BC 15, Nếp địa phương... tăng 188 ha so với CKNT, năng suất ước đạt 55,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.230 tấn.

- Có 03 HTX, Công ty tiếp tục thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa đặc sản địa phương với quy mô 172,7 ha (81,7 ha Tẻ râu, 91 ha

Vaas 16) tại huyện Tam Đường, Than Uyên, năng suất trung bình ước đạt 56 tạ/ha, sản lượng 967 tấn.

- Lúa mùa: Diện tích gieo cấy ước đạt 18.000 ha (đạt 79,7%KH), tương đương CKNT.

- Lúa nương: Ước thực hiện 1.475 ha, đạt 100% KH.

- Cây ngô xuân hè: Diện tích đã gieo trồng 16.770 ha, đạt 103% KH, dự kiến hết tháng 6 thu hoạch 2.500 ha, năng suất ước đạt 38 tạ/ha, sản lượng ước đạt 9.500 tấn, tăng 900 tấn so với CKNT.

- Cây chè: Tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.466 ha, diện tích chè kinh doanh 7.501 ha; sản lượng chè búp tươi ước đạt 24.500 tấn, đạt 47,1% KH, tăng 1.500 tấn so với CKNT. Trong 6 tháng đã chuyển đổi 30 ha chè già cỗi sang trồng dứa tại huyện Tân Uyên. Công tác chuẩn bị vật tư phục vụ trồng mới đảm bảo theo đúng kế hoạch, ước hết 30/6/2023 diện tích làm đất 226 ha, trồng mới 50 ha.

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả ước đạt 8.408 ha, diện tích trồng mới 162 ha đạt 90% KH, tăng 72 ha so với cùng kỳ năm trước, sản lượng ước đạt 25.500 tấn, tăng 1.000 tấn so với CKNT.

- Công tác cung ứng vật tư: Ước 6 tháng đầu năm tổng lượng giống phục vụ cho sản xuất là 2.002 tấn.

1.2. Công tác bảo vệ thực vật

Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh 6 tháng đầu năm 2023 là 1.415 ha, diện tích áp dụng các biện pháp phòng trừ 1.088 ha (đạt 76,9 %), trong đó: Lúa 522 ha (chuột, bệnh đạo ôn lá, nhiễm rầy, bọ xít...); Ngô 446 ha (sâu keo mùa thu, sâu xám, bệnh đốm lá lớn); Chè 19 ha (rầy xanh, nhện đỏ); Cây ăn quả 29 ha; Cây thông và rau màu 72 ha.

1.3. Công tác chăn nuôi thú y, thủy sản

a) Tình hình chăn nuôi, thủy sản:

Nhìn chung tình hình chăn nuôi của tỉnh 6 tháng đầu năm tương đối ổn định, dịch bệnh xảy ra lẻ tẻ và đã khống chế kịp thời. Công tác chăn nuôi được người dân tích cực tái đàn để đảm bảo kế hoạch đề ra.

Tổng đàn gia súc chính đạt 346.380 con, đạt 90%/KH; trong đó: đàn trâu 93.130 con, đàn bò 24.650 con, đàn lợn 228.600 con. Tổng đàn gia cầm đạt 1.845 nghìn con, đạt 102%/KH. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 10.300 tấn, đạt 57%/KH, trong đó thịt lợn 6.000 tấn.

Diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt toàn tỉnh đạt 1.001 ha, đạt 101%/KH; thể tích nuôi cá nước lạnh ước đạt: 26.750 m³ bể; thể tích nuôi cá lồng ước đạt

187.760 m³ lồng. Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản ước đạt 1.190 tấn, đạt 32,2%/KH; trong đó: nuôi trồng 1.089 tấn, khai thác 101 tấn.

b) Tình hình dịch bệnh động vật và quản lý chăn nuôi:

Trong 6 tháng đầu năm, bệnh dịch tả lợn Châu Phi tái phát tại 02 huyện (Sìn Hồ, Mường Tè), bệnh Đại động vật tiếp tục xảy ra tại 05 huyện (Tam Đường, Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè và thành phố Lai Châu). Tổng số gia súc mắc bệnh, nghi mắc bệnh và tiêu hủy là 223 con (DTLCP 161 con, do bệnh Đại 62 con), đã tiêu hủy 223 con. Sở đã đưa ra các giải pháp và hướng dẫn phòng, đơn vị chức năng của huyện, thành phố có dịch triển khai các biện pháp phòng, chống theo quy định. Đến nay, các ổ dịch trên đã qua 21 ngày (kể từ ca bệnh cuối cùng bị tiêu hủy) không phát sinh ca nhiễm mới.

Từ đầu năm đến nay tại Hợp tác xã Nông nghiệp vùng cao thuộc xã Tung Qua Lìn, huyện Phong Thổ xảy dịch bệnh trên cá Hồi do vi khuẩn *Aeromonas* sp gây bệnh và gây chết ở cá. Thể tích bị bệnh 500m³, khối lượng cá chết 350kg.

Đến nay các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, trong đó có nội dung tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Có 03/8 huyện đã triển khai tiêm vắc xin định kỳ, các huyện còn lại dự kiến thực hiện trong tháng 6, tháng 7. Tổng số vắc xin đã cấp 86.006 liều, gồm: vắc xin định kỳ là 66.880 liều các loại tại huyện Tam Đường, Mường Tè, Nậm Nhùn; VDNC là 8.400 liều (Nậm Nhùn); vắc xin Đại chó mèo 10.726 liều tại TP Lai Châu, Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè (trong đó TP Lai Châu và Nậm Nhùn triển tiêm phòng Đại cho đàn chó, mèo của toàn huyện; huyện Phong Thổ và Mường Tè triển khai tiêm tại xã có dịch và xã lân cận).

1.4. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL và kiến thức sản xuất thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức lồng ghép nội dung hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, các quy định đảm bảo vệ sinh ATTP và văn bản có liên quan. Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh hướng dẫn được 02 chuyên mục trong chương trình Bạn của nhà nông về: Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân trồng một số giống lúa thuần đặc sản địa phương theo tiêu chuẩn Vietgap; biện pháp quản lý dịch hại trên cây ngô HN88.

- Tình hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất: Hiện nay toàn tỉnh có 30,8 ha cây trồng có hệ thống nhà màng, nhà lưới; 18,3 ha cây trồng áp dụng hình thức tưới tiết kiệm. Diện tích trồng trọt, chăn nuôi được chứng nhận tiêu chuẩn RA, VietGAP là 221 ha; 04 cơ sở trồng trọt được chứng nhận VietGAP với 41,8 ha; 04 cơ sở được chứng nhận ISO; 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP với 9.000 m³; 01 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP với 1,1 ha; 01 cơ sở được chứng nhận hữu cơ với 27 ha.

- Về Kiểm tra, giám sát Tết Nguyên đán Quý Mão và tháng hành động vì ATTP năm 2023. Tổng số cơ sở kiểm tra, giám sát 289 cơ sở tại 8 huyện, thành phố, kết quả: Có 270/289 cơ sở đã tham gia ký cam kết vệ sinh ATTP (đạt 93,4%); Có 19/289 cơ sở (chiếm 6,6%) chưa thực hiện ký cam kết; 100% cơ sở có địa điểm sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch của địa phương và theo quy hoạch của các chợ, không bị ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm. Tổ chức thẩm định, đánh giá phân loại định kỳ đợt 1, kết quả có 47/50 cơ sở đang hoạt động. Kết quả xếp loại có 08/47 cơ sở xếp loại A; 39 cơ sở xếp loại B, không có cơ sở xếp loại C.

** Tình hình chế biến, tiêu thụ nông sản:*

- Sản phẩm Chè: Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng lượng chè khô còn tồn từ năm 2022 chuyển sang và sản xuất mới là 3.268 tấn; đã tiêu thụ được 2.994 tấn (trong đó xuất khẩu trực tiếp sang Afghanistan, Pakistan và Đài loan được 1.588 tấn, xuất ủy thác và bán nội tiêu được 1.406 tấn), lượng chè tồn kho đến nay 274 tấn.

- Chuối quả tươi: Sản lượng chuối trong 6 tháng đầu năm ước đạt 13.273 tấn; trong đó đã xuất khẩu được 2.119 tấn qua cửa khẩu Lào Cai và chế biến chuối sấy được 11,3 tấn; số chuối còn lại nội tiêu; giá thu mua từ 11.000 - 13.000 đồng/kg.

- Mía cây: Tổng sản lượng đạt 8.000 tấn; Đã được HTX Nông sản Lai Châu thu mua.

- Đào chín sớm tại các huyện: Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ: Tổng sản lượng đạt 1.270 tấn; giá bán dao động từ 7.000 - 15.000 đồng/kg.

- Thảo quả, sa nhân: Hiện tại vẫn đang đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công thương sớm đàm phán với phía Trung Quốc để được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc, các doanh nghiệp, HTX vẫn thu mua.

2. Sản xuất lâm nghiệp

2.1. Công tác bảo vệ và phát triển rừng

Công tác trồng mới rừng tiếp tục được các đơn vị và các huyện, thành phố chỉ đạo sát sao, việc bảo vệ rừng được triển khai liên tục, đúng pháp luật, việc chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng định mức, góp phần nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và tăng thu nhập của người dân.

- Thường xuyên đôn đốc các huyện, các Ban Quản lý Rừng phòng hộ huyện chuẩn bị tốt mọi điều kiện cần thiết cho công tác trồng rừng mới năm 2023: Đến nay đã chuẩn bị được 10.126.000 cây; trong đó: 8.386.000 cây Quế; 1.740.000 cây lâm nghiệp khác. Đã phát dọn thực bì được 1.502 ha; trong đó: Trồng rừng phòng hộ 134 ha, trồng rừng sản xuất 1.368 ha (Quế 1.256 ha, cây

gỗ lớn 112 ha). Triển khai thực hiện cuộc hồ được 79 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 20 ha, trồng rừng sản xuất 59 ha (Quế 53 ha, cây gỗ lớn 6 ha). Về xây dựng hồ sơ: Hiện tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đang tiến hành rà soát, đo đạc quy chủ với diện tích 2.216 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 208 ha, trồng rừng sản xuất 2.008 ha (Quế 1.657 ha, cây lâm nghiệp khác 351 ha). Đã phê duyệt xong Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng rừng của các huyện Mường Tè (trồng Quế), Nậm Nhùn (trồng rừng phòng hộ, trồng Quế), Phong Thổ (trồng gỗ lớn, trồng rừng phòng hộ); Sìn Hồ với diện tích 1.109 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ: 72 ha, trồng rừng sản xuất 1.037 ha (Quế 1.025 ha, cây gỗ lớn 12ha).

- Ước thực hiện hết tháng 6 trồng mới được 120 ha rừng, trong đó trồng rừng phòng hộ 12 ha; trồng Quế 84 ha; trồng cây gỗ lớn: 24 ha.

- Thực hiện chăm sóc 12.944 ha cây cao su. Đến nay diện tích cao su cho khai thác mủ đạt 10.353 ha. Sản lượng khai thác ước đạt trên 1.900 tấn mủ khô.

- Tổ chức cuộc họp tuyên truyền tới 505 lượt thôn, bản với 40.331 lượt người dân tham gia, tuyên truyền đến 13 trường học với 5.002 lượt học sinh tham gia. Ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR đến 10.073 lượt hộ gia đình.

- Trong 6 tháng, đã phát hiện và xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp: phá rừng trái luật 46 vụ (diện tích thiệt hại 3,9146 ha); vi phạm quy định về PCCCR gây cháy rừng 31 vụ; mua bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái pháp luật 22 vụ;.

- Tổ chức tăng cường tuần tra, kiểm tra, phòng cháy chữa cháy rừng, tập trung canh gác các cửa rừng, đã tổ chức được 1098 đợt tuần tra.

** Tình hình cháy rừng, công tác chữa cháy:*

Trong 6 tháng đầu năm do khô hạn kéo dài đã làm xảy ra 79 vụ cháy thảm cỏ, cây trồng chưa thành rừng và cháy rừng, cụ thể: Cháy thảm cỏ 38 vụ, diện tích cháy 539,83 ha; cháy rừng trồng chưa thành rừng 10 vụ, diện tích cháy 34,78 ha (diện tích cây trồng có khả năng phục hồi là 0,76 ha, diện tích thiệt hại không có khả năng phục hồi là 34,02 ha); cháy rừng là 31 vụ diện tích cháy 166,01 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 152,14 ha, rừng trồng 13,87ha (diện tích rừng có khả năng phục hồi là 133,1 ha, diện tích thiệt hại không có khả năng phục hồi là 32,9 ha).

Ban Chỉ huy các cấp và chính quyền cơ sở đã chỉ huy, huy động lực lượng tham gia chữa cháy cơ bản kịp thời, không để lây lan diện rộng. Đã huy động 5.898 lượt người tham gia chữa cháy, kịp thời xử lý, hạn chế thấp nhất thiệt hại do các vụ cháy gây ra.

2.2. Tình hình thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Tổng diện tích rừng được chi trả DVMTR năm 2022 là 450.536,65 ha, trong đó: Chủ rừng là Doanh nghiệp (05 đơn vị) 307,7 ha, chủ rừng là Ban quản

lý rừng phòng hộ (07 đơn vị) 210.951,5 ha, chủ rừng là cộng đồng dân cư (07 cộng đồng) 1.992,2 ha, UBND cấp xã (106 xã, phường, thị trấn) 237.285,3 ha.

- Tiếp nhận tiền ủy thác chi trả DVMTR của các cơ sở sử dụng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 đảm bảo đúng quy định, 6 tháng đầu đã thực hiện tiếp nhận 71.032,2 triệu đồng.

- Kết quả thu, chi tiền DVMTR: Kết quả thu (thu kế hoạch năm 2023) là 88.000 triệu đồng, trong đó: Thu từ quỹ Trung ương 71.032 triệu đồng; thu nội tỉnh 16.820 triệu đồng; lãi tiền gửi 148 triệu đồng. Hoàn thành chi trả dịch vụ môi trường rừng 2022, kết quả chi là 467.338 triệu đồng, trong đó: chi trả cho kế hoạch năm 2022 là 460.639 triệu đồng (Tổng chi lũy kế kế hoạch năm 2022 là 515.855 triệu đồng); chi theo kế hoạch năm 2023 là 6.699 triệu đồng.

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và OCOP

- Tham mưu ban hành Nghị Quyết quy định một số nội dung mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023.

- Kiểm tra rà soát các chỉ tiêu tiêu chí nông thôn mới và kiểm tra kế hoạch triển khai năm 2023 của các huyện, thành phố. Xây dựng sổ tay hướng dẫn bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Xây dựng hướng dẫn quy trình công nhận thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới. Triển khai kế hoạch tuyên truyền, tập huấn năm 2023.

- Về kết quả theo bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, tỉnh Lai Châu đạt bình quân 12,5 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 39 xã; Số xã đạt 15- 18 tiêu chí: 0 xã; Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 14 xã; Số xã đạt 5-9 tiêu chí: 41 xã.

- Xây dựng Hướng dẫn thực hiện điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; Ban hành văn bản đôn đốc, hướng dẫn triển khai Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc duy trì các chỉ tiêu, tiêu chí về chất lượng các sản phẩm OCOP đã được công nhận.

- Tổng hợp nhu cầu đăng ký các sản phẩm tham gia thực hiện chương trình OCOP năm 2023; Tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ các chủ thể trình tự các bước xây dựng hồ sơ, phát triển sản phẩm để tham gia các đợt đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023. Xây dựng ấn phẩm thông tin một số hình ảnh sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu (thông tin, câu chuyện sản phẩm, hình ảnh sản phẩm) để giới thiệu, quảng bá.

4. Công tác thủy lợi - phòng chống lũ, bão và nước sạch VSMT

- Tính đến nay, toàn tỉnh có 998 công trình thủy lợi (Công ty thủy nông tỉnh quản lý 96 công trình, các công trình còn lại do các huyện, thành phố quản lý), trong đó có 05 hồ chứa, 993 công trình tưới tự chảy. Công trình kiên cố là 912 công trình; Công trình tạm là 86 công trình. Tổng chiều dài kênh mương là 2.298,1 km, trong đó có 1.781,3 km kiên cố, 516,8 km kênh tạm. 6 tháng đầu năm đã tổ chức thẩm định báo cáo KTKT 06 công Thủy lợi; Kiểm tra công tác nghiệm thu 01 công trình.

- Các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tập trung nạo vét, sửa chữa, duy tu các công trình bị hư hỏng do mưa lũ năm 2022 để đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ năm 2023. Đến nay các chủ đầu tư đã triển khai thi công xây dựng được 8 km kênh mương.

- Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân 2022 - 2023 được đảm bảo nước tưới từ công trình thủy lợi là 6.900 ha, tăng 50 ha so với vụ Đông Xuân 2021 - 2022.

- Đến nay toàn tỉnh có 801 công trình nước sạch nông thôn, trong đó: Số công trình đang hoạt động là 710 chiếm 88,7% cấp nước cho 66.820 hộ dân với 317.946 nhân khẩu, chiếm 79,08% dân số nông thôn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 88,7%. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ước đạt 85,5%.

- Tổ chức ứng trực 24/24 giờ khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra để nắm bắt tình hình thiên tai qua các thông tin đại chúng, triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời. Từ đầu năm 2023 đến nay trên địa bàn tỉnh xảy ra một số đợt thiên tai (01 đợt rét đậm, rét hại; 04 đợt mưa lớn, dông, lốc; 01 trận động đất) đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Ước tổng thiệt hại trên 2 tỷ đồng.

- Về việc thực hiện các nhiệm vụ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn: Hoàn khối lượng thi công 03 và giải ngân nguồn vốn đầu tư được cấp phát năm 2022 đạt 87%. Rà soát, lập hồ sơ trình thẩm định phê duyệt quyết toán 03 các công trình hoàn thành bàn giao năm 2021. Tổng số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện năm 2022 sang 2023 đến thời điểm báo cáo là 3.660 triệu đồng 100% là vốn cấp phát từ Ngân sách TW, hiện chưa giải ngân.

5. Công tác phát triển nông thôn

- Hiện toàn tỉnh có 172 HTX đang hoạt động lĩnh vực nông nghiệp (gồm 30 HTX trồng trọt; 24 HTX chăn nuôi; 04 HTX lâm nghiệp; 20 HTX thủy sản, 94 HTX nông nghiệp tổng hợp), tăng 37 HTX so với cùng kỳ năm 2022, trong đó thành phố Lai Châu 19 HTX, Tam Đường 26 HTX, Tân Uyên 21 HTX, Than Uyên 38 HTX, Phong Thổ 24 HTX, Sìn Hồ 8 HTX, Mường Tè 13 HTX Nậm Nhùn 23 HTX; Số HTX nông nghiệp thành lập mới 6 tháng đầu năm là 5 HTX (đạt 50% kế hoạch giao); Các HTX NN đã thu hút 1.548 thành viên, giải

quyết việc làm cho 1.860 lao động, tăng 341 thành viên, 409 lao động so cùng kỳ năm 2022; tổng HTX nông nghiệp tham gia liên kết 31 HTX, chiếm 18% tổng số HTX NN; hiện có 35 HTX NN sở hữu 71/158 sản phẩm OCOP được UBND tỉnh công nhận, chiếm 44,9% tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh.

- Đến nay, toàn tỉnh có 16 trang trại (gồm 5 trang trại trồng trọt; 4 trang trại chăn nuôi, 7 trang trại tổng hợp), trong đó Tân Uyên có 10 trang trại; Tam Đường có 01 trang trại; thành phố Lai Châu có 05 trang trại; tổng diện tích trong trang trại 67 ha, giải quyết việc làm thường xuyên cho 75 lao động.

- Kết quả thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Kế hoạch chỉ tiêu giao đào tạo nghề nông nghiệp năm 2023 là 4.815 chỉ tiêu. Kết quả đã tổ chức mở lớp được 21 lớp với 635 chỉ tiêu. Các huyện đã mở lớp gồm: Thành phố 2 lớp/60 chỉ tiêu; huyện Than Uyên 5 lớp/150 chỉ tiêu; huyện Mường Tè 12 lớp/365 chỉ tiêu; huyện Nậm Nhùn 2 lớp/60 chỉ tiêu; Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên chưa mở lớp mới thẩm định xong định mức KTKT - Dự toán.

- Về ngành nghề nông thôn: Hiện toàn tỉnh có 04 làng nghề và 01 nghề truyền thống.

- Về xúc tiến thương mại: Tổ chức tham gia 01 Hội chợ (Hội chợ OCOP Quảng Ninh - Xuân 2023; với 04 gian hàng trên 100 sản phẩm tham gia trưng bày). Triển khai hành trình tìm kiếm và quảng bá TOP-BEST các sản phẩm OCOP bán chạy trên thị trường Việt Nam năm 2022-2023 (Đề xuất 3 đơn vị với 04 sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu; Triển khai Chương trình bình chọn Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2023; Phối hợp xây dựng Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2024 và Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2024.

- Chương trình sắp xếp bố trí dân cư: Năm 2023, kế hoạch vốn giao 111.373 triệu đồng thực hiện chuyển tiếp 06 dự án (04 dự án vùng thiên tai và 02 dự án di cư tự do). Thực hiện giải ngân đến thời điểm báo cáo là 6.662 triệu đồng, đạt 6% kế hoạch.

- Tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nội dung số 4):

Dự án 1: Hỗ trợ nước sinh hoạt, Trong đó, Nước sinh hoạt phân tán: Tổng số vốn đã được phân bổ đến nay là 6.840 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương cho các huyện, trong đó năm 2022 là 1.710 triệu đồng; năm 2023 Là 5.130 triệu đồng. Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân được 3.411 triệu đồng (đạt 49,87 %). Nước sinh hoạt tập trung: Giai đoạn 2021-2025 kế hoạch vốn giao từ ngân sách Trung ương là 139.623 triệu đồng; vốn đã được phân bổ năm 2022-

2023 là 71.296 triệu đồng, trong đó năm 2022 là 48.560 triệu đồng; năm 2023 là 22.736 triệu đồng. Đến nay đã giải ngân được 50.637 triệu đồng (đạt 71 %).

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Giai đoạn 2021-2025 kế hoạch vốn giao từ ngân sách Trung ương là 150.624 triệu đồng (vốn đầu tư 149.446 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.178 triệu đồng) để triển khai thực hiện 11 dự án sắp xếp, bố trí ổn định cho 677 hộ dân trên địa bàn tỉnh. Trong đó giai đoạn năm 2021-2023 kế hoạch vốn đã giao là 62.961 triệu đồng để triển khai thực hiện 11 dự án/677 hộ. Thực hiện đến thời điểm báo cáo 26.125 triệu đồng đạt 41% kế hoạch vốn giao.

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thực hiện, giải ngân đến thời điểm báo cáo: Đã có 52 hộ thực hiện trồng được 58,34 ha rừng phòng hộ, 1.514 hộ thực hiện trồng rừng sản xuất được 780 ha, tổng kinh phí thực hiện, giải ngân 6.637 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2023: Trồng rừng phòng hộ 145 ha; trồng rừng sản xuất 940 ha; ước kinh phí giải ngân 13.750 triệu đồng. Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện, giải ngân đến thời điểm báo cáo: 515 triệu đồng, bao gồm: Thực hiện các hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với tổng kinh phí thực hiện 117 triệu đồng (vốn sự nghiệp); thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng (làm đường) 01 dự án trồng dược liệu quý với tổng kinh phí thực hiện 398 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo: Tổng vốn phân bổ từ năm 2021-2023 là 41.261 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương), năm 2023 phân bổ là 22.724 triệu đồng; Đến thời điểm báo cáo các đơn vị được giao vốn đang tiến hành khảo sát nhu cầu, lựa chọn đối tượng thụ hưởng để xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa giải ngân vốn.

6. Kết quả thực hiện các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của các Nghị quyết, Đề án, đảm bảo mục tiêu đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

a) Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một

số nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Về trồng trọt: Các địa phương đã lồng ghép các nguồn vốn thực hiện được 1.475 ha lúa hàng hóa tập trung, trong đó: Diện tích đăng ký thực hiện hỗ trợ lúa hàng hóa tập trung theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND 601ha, đã nghiệm thu thanh toán 91 ha; trồng mới chè ước hết 30/6/2023 diện tích làm đất được 226 ha, trồng mới 50 ha; hỗ trợ trồng hoa địa lan: Có 10 doanh nghiệp, HTX, 01 tổ hợp tác, 294 hộ dân đăng ký hỗ trợ với số lượng 40.000 chậu; Trồng được 22.000 chậu địa lan tại huyện Sìn Hồ và Phong Thổ.

- Về chăn nuôi: Các huyện, thành phố đang triển khai cho người dân đăng ký, thực hiện các nội dung hỗ trợ. Số lượng dự kiến thực hiện: 13.441m² chuồng trại; 615m³ Biogas; 90,85ha cỏ; 1.220 thùng ong; Huyện Nậm Nhùn đang triển khai đăng ký thực hiện với số lượng dự kiến 89 lồng cá.

- Về Chương trình OCOP: Đến nay, toàn tỉnh đã có 158 sản phẩm của 71 chủ thể được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, gồm: 147 sản phẩm 3 sao; 11 sản phẩm 4 sao.

- Toàn tỉnh hiện có 43 cơ sở áp dụng nhà màng, nhà lưới với 30, 8 ha (ươm giống và trồng Sâm 22,9 ha; trồng rau, quả các loại 3,2 ha; ươm giống cây mắc ca, cây chè 4,1 ha; trồng nấm Đông trùng hạ thảo 0,3 ha, chăn nuôi lợn 0,3 ha); 26 cơ sở áp dụng tưới tiết kiệm với 18,3 ha (ươm giống và trồng Sâm 0,2 ha; trồng rau, quả các loại 13,4 ha; ươm giống cây mắc ca, cây chè 4,7 ha).

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất Diện tích được cấp giấy chứng nhận theo các quy trình kỹ thuật an toàn 289,7 ha, trong đó: Cây chè có 267,9 ha (20 ha được chứng nhận VietGAP; 220,9 ha chè được chứng nhận RA; 27 ha Chè hữu cơ); cây ăn quả 2,8 ha (1,6 ha bưởi, ôi không hạt; 1,2 ha dâu tây); 19,0 ha lúa tẻ tròn theo tiêu chuẩn VietGAP. Trong chăn nuôi, thủy sản: có 01 trang trại nuôi lợn quy mô 10.933,4 m² (sản lượng 9.000 con lợn giống và 900 tấn thịt lợn hơi/2 lứa/năm); 01 cơ sở nuôi cá nước lạnh thể tích 9.000 m³, sản lượng đạt 55 tấn/năm.

b) Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Công tác chuẩn bị cây giống: Đến thời điểm hiện trên địa bàn tỉnh đã chuẩn bị được 10.126.000 cây trong đó: Cây Quế: 8.386.000 cây, cây lâm nghiệp khác: 1.740.000 cây.

- Công tác chuẩn bị trồng rừng: Phát dọn thực bì: đến thời điểm hiện tại đã phát dọn thực bì được 1.502 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ 134 ha, trồng rừng sản xuất 1.368 ha (Quế 1.256 ha, cây gỗ lớn 112 ha); Đã triển khai cuộc hồ được 79 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ 20 ha; trồng rừng sản xuất 59 ha (trồng quế 53 ha, cây gỗ lớn 6 ha).

c) Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Về trồng trọt: Diện tích đăng ký thực hiện liên kết 205 ha tại huyện Tam Đường (160 ha cây chanh leo; 45 ha lúa tẻ râu). Ước thực hiện 30/6/2023 đạt 177 ha (132 ha chanh leo, 45 ha lúa tẻ râu).

- Thực hiện kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp tại các huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng hợp Báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổng hợp đề xuất nhu cầu sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND gửi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư, sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Dự thảo Kế hoạch Sơ kết 05 năm thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ (Kế hoạch số 1553/KH-UBND ngày 27/4/2023); Triển khai một số nội dung tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

d) Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Trong 6 tháng đầu năm, chưa có tổ chức, cá nhân đề xuất hỗ trợ Sâm Lai Châu, Bảy lá 1 hoa, Lan kim tuyến theo Đề án được phê duyệt. Tuy nhiên đã thực hiện trồng 3,5 ha Sâm Lai Châu, 05 ha cây đương quy tại huyện Sìn Hồ và 0,24 ha đảng sâm ở huyện Mường Tè. Sở và các ngành đang tăng cường phối hợp với các huyện, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở xây dựng các dự án liên kết trồng sâm trên địa bàn tỉnh.

e) Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 – 2025

- Về trồng trọt: Diện tích cây lương thực thực hiện 3.123 ha, năng suất ước đạt 52,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 16.400 tấn. Lúa mùa diện tích thực hiện ước đạt 14.000 ha. Ngô xuân hè: Diện tích thực hiện 11.225 ha. Cây ăn quả: Đã thực hiện trồng mới được 51,73 ha cây Chanh tại huyện Tam Đường. Cây dược liệu: Thực hiện trồng 3,5 ha sâm Lai Châu, 04 ha cây đương quy tại huyện Sìn Hồ và 0,24 ha đảng sâm tại huyện Mường Tè. Cây chè: Diện tích trồng mới ước đạt 50 ha chè tập trung, tiếp tục chăm sóc diện tích 78 ha chè cổ thụ trồng năm 2021 và 2022. Thực hiện 04 mô hình khuyến nông về trồng trọt, trong đó: 02 mô hình trồng lúa thuần quy mô 31,8 ha, sử dụng giống lúa thuần VNR 20, TBR225 tại huyện Phong Thổ; 01 mô hình trồng khoai sọ quy mô 08 ha tại huyện Mường Tè, 01 mô hình cây đảng sâm quy mô 0,24 ha tại huyện Mường Tè.

- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc chính ước đạt 210.300 con (đàn trâu 60.733 con, đàn bò 15.471 con, đàn lợn 134.096 con). Tổng đàn gia cầm 928.870 con.

- Về diện tích ao nuôi ước đạt 398 ha; thể tích nuôi cá lồng 70.848 m³; thể tích nuôi cá nước lạnh 3.087 m³ bể. Sản lượng nuôi trồng và khai thác 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 420 tấn (trong đó nuôi ao 215 tấn, lồng 145 tấn; nước lạnh 20 tấn; khai thác 40 tấn).

- Đến thời điểm hiện tại, tiến độ thực hiện chuẩn bị trồng rừng: phát dọn thực bì: 995 ha, trong đó (rừng phòng hộ: 84 ha, rừng sản xuất: 911 ha).

- Kết quả theo bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, đạt bình quân 10,1 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 14 xã; Số xã đạt 15- 18 tiêu chí: 0 xã; Số xã đạt 10-14 tiêu chí: 10 xã; Số xã đạt 5-9 tiêu chí: 41 xã.

g) Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 – 2025

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các huyện, thành phố kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025. (Kế hoạch số 24/KH-CCPTNT ngày 17/2/2023).

- Phối hợp làm việc với Ban biên tập Báo Nhân dân tại Lai Châu về kết quả triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025.

- Tổng hợp và đề xuất phân bổ kinh phí thực hiện Đề án Du lịch gắn với nông thôn mới năm 2023 theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh. Tổng kinh phí đề nghị phân bổ 16.905 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí đầu tư 13.710 triệu đồng, nguồn sự nghiệp 3.195 triệu đồng.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025 (Báo cáo số 693/BC-SNN ngày 12/4/2023).

h) Nghị quyết 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 – 2025

- Về giao thông: UBND các huyện, thành phố đã triển khai khảo sát, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và hợp đồng thi công xây dựng các dự án để đảm bảo các mục tiêu, cụ thể: Đầu tư 8,73 km/9,5 km đường trục chính vùng lúa, đạt 91,89% mục tiêu; 24,5 km/24,5 km đường trục chính vùng chè, đạt 100% mục tiêu; 45 km/45 km đường nhánh vùng chè, đạt 100% mục tiêu; 53,88 km/50,5 km đường trục chính vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết, đạt 106,7% mục tiêu; 42,76 km/80 km vùng trồng quế, đạt 53,45% mục tiêu; 5,441 km/70 km vùng trồng cây gỗ lớn, đạt 7,8% mục tiêu.

- Về thủy lợi: UBND các huyện, thành phố đã triển khai các thủ tục để thực hiện đầu tư 08 dự án với quy mô kiên cố, nâng cấp 22 đập đầu mối và 41,847 km kênh mương.

7. Đánh giá chung

7.1. Một số kết quả nổi bật đã đạt được

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch giao được triển khai đồng bộ, quyết liệt; trong 6 tháng đầu năm tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp đã đạt được những kết quả nổi bật đó là:

- Sản lượng lúa Đông xuân tăng so với KH (tăng 1.160 tấn) góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

- Một số địa phương đã sớm chủ động trong việc triển khai trồng mới cây ăn quả theo kế hoạch giao: diện tích trồng mới cây ăn quả nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Mặc dù một số dịch bệnh vẫn xảy ra, nhưng công tác chỉ đạo tái đàn gia súc tại các địa phương được chỉ đạo triển khai quyết liệt, đưa tổng đàn gia súc chính ước đạt 346.380 con (đạt 98,1%/KH) tăng 22.900 con so với cùng kỳ năm trước; diện tích ao nuôi trồng thủy sản đạt 1.001 ha (đạt 100,9%KH).

- Công tác bảo vệ, phát triển rừng, chuẩn bị trồng rừng mới được chỉ đạo thực thực hiện tốt ngay từ đầu năm. Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện sát sao nên đã đẩy nhanh được tiến độ chi trả tiền DVMTR cho người dân so với quy định.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định: Sản xuất nông nghiệp có những chuyển biến tích cực; cơ sở hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư; giáo dục, đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân được quan tâm, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh; an ninh chính trị, an ninh trật tự nông thôn tiếp tục được giữ vững; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường.

- Công tác di dân tái định cư được thực hiện tốt, nhân dân đến nơi ở mới có điều kiện tốt hơn nơi ở cũ, ổn định để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo; đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội và giữ vững chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

7.2. Khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém cơ bản cần khắc phục, đó là:

- Tiến độ gieo trồng ngô xuân hè và trồng mới chè chậm so với cùng kỳ năm trước.

- Tiến độ trồng rừng mới còn chậm (141 ha), chậm hơn 316 ha so với cùng kỳ năm trước.

- Dù đã làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm còn xảy ra các vụ cháy rừng.

- Phương thức sản xuất chăn nuôi tuy đã có những chuyển biến tích cực tuy nhiên quá trình chuyển đổi còn chậm; phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ nông hộ vẫn chiếm đa số (trên 99%); trình độ sản xuất còn lạc hậu, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Sản phẩm đầu ra có sức cạnh tranh kém, vẫn chủ yếu tiêu thụ trong nội tỉnh.

- Các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, tuy nhiên công tác triển khai thực hiện tiêm phòng có huyện còn chậm, tỷ lệ tiêm vắc xin đạt thấp, đến nay mới đạt 32 % so với cùng kỳ năm 2022.

7.3. Nguyên nhân

- Thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài trong tháng 4, tháng 5 ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng: toàn tỉnh có 1.810 ha ngô bị ảnh hưởng và thiệt hại trong đó có 255 ha phải gieo trồng lại.

- Cũng do thời tiết nắng nóng kéo dài trên diện rộng đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chuẩn bị địa bàn trồng mới rừng. Mặt khác đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các vụ cháy rừng đã xảy ra.

- Giá thức ăn công nghiệp liên tục biến động; thị trường tiêu thụ không ổn định khiến cho một số hộ, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hạn chế mở rộng quy mô sản xuất, có thời điểm chỉ duy trì sản xuất cầm chừng.

- Nhiều huyện, thành phố cân đối, bố trí kinh phí để triển khai tiêm phòng vắc xin định kỳ muộn.

8. Nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2023

Từ những kết quả đạt được của 6 tháng đầu năm, trên cơ sở đánh giá những khó khăn và thuận lợi đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cho thấy: Để hoàn thành các chỉ tiêu được giao, đòi hỏi toàn ngành phải tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

8.1. Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Tích cực tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản xuất tập trung hàng hóa, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện các Đề án, Nghị quyết...

- Chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất vụ mùa, vụ thu, đồng đảm bảo theo đúng kế hoạch và khung thời vụ, cơ cấu giống; hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ KHKT trong sản xuất, đầu tư thâm canh, tăng năng suất, sản lượng để đảm bảo theo kế hoạch; đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết; phối hợp với các cơ quan chuyên môn tại địa phương giám sát tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng, tham mưu, hướng dẫn chỉ đạo phòng trừ kịp thời.

- Tiếp tục hướng dẫn các địa phương thiết lập, quản lý, giám sát cấp mã vùng trồng theo quy định.

8.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

- Tiếp tục theo dõi, tổng hợp, thống kê tổng đàn vật nuôi, sản lượng chăn nuôi, chuồng nuôi, diện tích cỏ trồng phát triển chăn nuôi...; diện tích ao, thể tích bể, lồng nuôi, sản lượng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai công tác phòng, chống đói, rét cho vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Giám sát chặt chẽ dịch bệnh, kiểm soát tốt vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm theo quy định.

Hoàn thành xây dựng Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định “Khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong Danh mục và “Nghề,

ngư cụ cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong Danh mục” trình UBND tỉnh trong tháng 11/2023.

8.3. Lâm nghiệp

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục về Luật Lâm nghiệp bằng nhiều hình thức và nội dung phù hợp; Tổ chức tuần tra, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2022 - 2023. Duy trì chế độ thường trực, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm lửa rừng; tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác PCCCR. Tăng cường tuần tra, kiểm tra đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.

- Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị trồng rừng và trồng rừng đảm bảo đúng tiến độ, kỹ thuật và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao. Tổ chức kiểm tra chất lượng cây giống khi các chủ đầu tư sử dụng để trồng rừng. Thực hiện kiểm tra kết quả nghiệm thu rừng trồng mới, chăm sóc rừng trồng; kiểm tra kết quả đánh giá thành rừng đối với diện tích rừng trồng năm 2018-2019. Kiểm tra công tác chăm sóc rừng trồng.

8.4. Chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách chi trả DVMTR gắn với công tác bảo vệ rừng.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn DVMTR tại các chủ rừng, UBND các xã; việc chi trả tiền DVMTR cho bên nhận khoán, nhận hợp đồng bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Phong Thổ, Mường Tè theo quyết định số 10/QĐ-HĐQLQ ngày 30/12/2022 của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác tiếp nhận và giải ngân tiền, kiểm tra, giám sát trồng rừng thay thế năm 2023 theo quy định.

8.5. Công tác phát triển nông thôn

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển KTTT, hợp tác xã; Đôn đốc các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh Lai Châu năm 2023 và chiến lược phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2030 theo Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành. Tổ chức kiểm tra tình hình hoạt động HTX nông nghiệp, trang trại trên địa bàn toàn tỉnh; Hướng dẫn các huyện, thành phố cập nhập cơ sở dữ liệu ngành kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn qua phần mềm (<http://gsdgdcrd.vn>); theo Công văn số 107/KTHT-VP ngày 21/02/2023 của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.

- Đôn đốc chỉ đạo công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023. Đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thành phố rà soát các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

- Triển khai Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2023 đến các huyện, thành phố; tổng hợp các sản phẩm tham gia Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2023 gửi Ban tổ chức.

- Tham gia Hội chợ triển lãm, sự kiện trưng bày, chương trình xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm OCOP, nông sản, đặc sản do Bộ Nông nghiệp và UBND các tỉnh, thành phố tổ chức. Tổng hợp các sản phẩm tham dự Chương trình bình chọn Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2023 gửi Ban tổ chức.

- Tiếp tục đôn đốc UBND các huyện triển khai thực hiện các dự án thuộc các Chương trình MTQG theo kế hoạch năm 2023.

8.6. Công tác thủy lợi - phòng chống lũ bão; Nước sạch và VSMT

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng kinh tế thành phố, Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông tỉnh kiểm tra các công trình thủy lợi, chỉ đạo kiểm tra việc tu sửa công trình để phục vụ sản xuất vụ Mùa năm 2023 và vụ Đông Xuân 2023 - 2024.

- Chủ động thực hiện các biện pháp xử lý, ứng phó với các diễn biến thời tiết bất thường, tình huống thiên tai.

- Các nhiệm vụ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn năm 2022: Hoàn thành công tác kiểm toán tài chính Chương trình năm 2022 theo Quyết định tại Quyết định 702/QĐ-KTNN ngày 16/5/2023 của Kiểm toán Nhà nước. Tập trung tháo gỡ khó khăn và hoàn thành thi công công trình cấp NSH cụm bản xã Trung Đông, huyện Tân Uyên. Tiếp tục rà soát, lập hồ sơ Quyết toán các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Hoàn thành hồ sơ, thủ tục đóng chương trình theo hướng dẫn và chỉ đạo của Ban Điều phối TW.

8.7. Công tác quản lý chất lượng

- Tiếp tục tuyên truyền vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP và mạnh dạn áp dụng các chương trình quản lý ATTP theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, xuất khẩu... để tạo ra sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đảm bảo ATTP lĩnh vực nông nghiệp hàng năm và giai đoạn 2021-2030. Phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn cấp huyện, các cơ sở triển khai thực hiện tốt việc ký cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT; nội dung hỗ trợ NNCNC, áp dụng TC, QC ATTP vào SX quy định tại NQ 07/2021/NQ-HĐND.

- Xây dựng thực hiện các kế hoạch tập huấn, kiểm tra, giám sát; Tết Trung thu; thẩm định, đánh giá định kỳ đợt 2; Việc ký cam kết đảm bảo ATTP tại phòng nông nghiệp các huyện và phòng kinh tế thành phố.

- Phối hợp triển khai Đề án chuyển đổi số “Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát minh bạch thông tin, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm và thủy sản trên địa bàn tỉnh”.

- Cập nhật TTTT trong nước, quốc tế định kỳ và giá cả nông sản trong tỉnh cung cấp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản tham khảo. Thường xuyên kết nối tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh với các đối tác. Hỗ trợ các cơ sở tham gia kết nối TTNS trên sàn thương mại điện tử, các diễn đàn, nắm bắt tình hình TTNS trong tỉnh, kịp thời tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong lưu thông, tiêu thụ hàng hoá.

8.8. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và OCOP

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới của 39 xã đã được công nhận đạt chuẩn.

- Đẩy nhanh việc hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới đối với 15 xã dự kiến đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025; từng bước hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới cấp huyện đối với 3 huyện Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Yên và tiêu chí nông thôn mới nâng cao đối với 4 xã San Thành, Bản Bo, Phúc Khoa, Pha Mu.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP đã được công nhận, góp phần nâng cao hình ảnh, giá trị văn hóa, sản vật, tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận và sử dụng sản phẩm OCOP Lai Châu.

- Hướng dẫn, hỗ trợ cho các huyện, thành phố tổ chức đánh giá, phân hạng đợt 2 năm 2023. Tiếp tục điều tra, khảo sát để hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể tham gia đánh giá, phân hạng các cấp đợt 2 năm 2023. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng các sản phẩm OCOP đã được chứng nhận.

9.9. Thực hiện chương trình công tác năm 2023 và các đề án, NQ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Phối hợp UBND các huyện, các sở, ngành, thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức thực hiện tốt các chương trình, đề án, Nghị quyết, Quyết định của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh...

II. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2024

Năm 2024 là năm nước rút trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2022-2025 của tỉnh. Để hoàn thành các mục tiêu được giao, ngành nông nghiệp xác định các mục tiêu và giải pháp thực hiện chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, bền vững, đảm bảo quy mô sản xuất tập trung đủ lớn, thực hiện liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, mở rộng cơ giới hóa, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến nông sản. Đẩy mạnh hình thức chăn nuôi trang trại, kết hợp với chăn nuôi gia trại, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong nội bộ ngành nông nghiệp. Khai thác tối đa diện tích mặt nước (sông, suối, ao, hồ) và thủy điện để nuôi trồng thủy sản. Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững về diện tích và chất lượng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng. Phát triển mạnh các hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, trang trại. Xây dựng nông thôn mới bền vững với cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn hiện đại, đồng bộ.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

- (1) Tổng sản lượng lương thực: 226.000 nghìn tấn.
- (2) Chè trồng mới: 330 ha.
- (3) Trồng mới cây ăn quả: 200 ha.
- (4) Tốc độ tăng đàn gia súc: 5%.
- (5) Tổng sản lượng thủy sản: 3.710 tấn.
- (6) Trồng mới rừng: 3.000 ha; Độ che phủ rừng: 52,9%.
- (7) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS: 91,5%.
- (8) Bình quân tiêu chí nông thôn mới: 15,4 tiêu chí/xã.

3. Nhiệm vụ, định hướng

3.1. Trồng trọt

a) Đảm bảo an ninh lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 226 nghìn tấn.

- Tổng diện tích lúa cả năm 31.038 ha, năng suất 48,7 tạ/ha, sản lượng 151.200 tấn trong đó:

+ Lúa đông xuân: 6.785 ha, năng suất 55,86 tạ/ha, sản lượng 37.900 tấn.

+ Lúa mùa: 22.823 ha, năng suất 48,9 tạ/ha, sản lượng 111.500 tấn.

+ Lúa nương: 1.430 ha, năng suất 12,6 tạ/ha, sản lượng 1.800 tấn.

- Diện tích ngô cả năm 19.819 ha, năng suất 37,7 tạ/ha, sản lượng 74.800 tấn, trong đó:

+ Ngô xuân hè 16.700 ha, năng suất 38 tạ/ha, sản lượng 63.400 tấn.

+ Ngô thu đông 3.119 ha, năng suất 36,6 tạ/ha, sản lượng 11.400 tấn.

b) Cây công nghiệp và cây ăn quả

- Cây chè: Tổng diện tích chè: 10.141 ha, trồng mới 330 ha, diện tích chè kinh doanh 8.259 ha, sản lượng chè búp tươi 56.000 tấn.

- Cây ăn quả: Diện tích 8.626 ha, trồng mới 200 ha, sản lượng 63.000 tấn.

3.2. Phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Phát triển chăn nuôi: Tốc độ tăng đàn gia súc đạt 5%, tổng đàn gia súc 371.020 con (trâu 93.160 con, bò 24.960 con, lợn 252.900 con); Tổng đàn gia cầm 1.830 nghìn con; Tổng sản lượng thịt hơi các loại 19 nghìn tấn (thịt lợn 11,7 nghìn tấn).

- Phát triển thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng đạt 1.001 ha; Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.710 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng thủy sản 3.515 tấn; sản lượng khai thác ước đạt 195 tấn.

3.3. Phát triển Lâm nghiệp

- Tỷ lệ độ che phủ rừng ước đạt 52,9%.

- Trồng rừng mới 3.000 ha, trong đó: Rừng sản xuất 2.800 ha; Rừng phòng hộ 200 ha.

3.4. Xây dựng nông thôn mới; Nước sạch VSMT

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tập trung duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới. Số xã đạt chuẩn NTM: 39 xã; Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 16 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 39 xã; Bình quân tiêu chí trên xã: 15,4 tiêu chí/xã.

- Chỉ tiêu về dân số nông thôn sử dụng nước HVS: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 91,5%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87,5%.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Trồng trọt

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch, nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung vào các loại cây trồng chủ lực của tỉnh đã được xác định để hướng đến xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường ngoài tỉnh góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

a) Các chỉ tiêu về cây lương thực

- Tập trung chỉ đạo một số giống lúa thuần chất lượng cao để đẩy mạnh cơ cấu theo hướng tăng giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích đất canh tác. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các cánh đồng tập trung sử dụng 1-2 giống lúa thuần; đẩy mạnh mối liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp và người dân.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất (thời vụ gieo trồng, cơ cấu và diện tích cây trồng), đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại do diễn biến bất thường của thời tiết. Thực hiện đầu tư thâm canh, tăng vụ lúa, ngô ở các vùng có điều kiện.

- Tăng cường dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, gây hại trên diện rộng.

- Tăng cường đưa cơ giới vào sản xuất tại những vùng có điều kiện nhằm tăng vụ lúa, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm. Phát triển giao thông nội đồng gắn với cải tạo đồng ruộng, hình thành các cánh đồng tập trung.

- Tăng cường công tác quản nhà nước về lĩnh vực giống cây trồng, thuốc BVTV trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là các chương trình, dự án hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Thường xuyên tuyên truyền các chính sách hỗ trợ về sản xuất nông nghiệp của tỉnh để người dân biết được và tham gia.

b) Các chỉ tiêu về cây công nghiệp

- Cây chè: Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, chăm sóc, diện tích chè đã trồng nhằm tăng năng suất, sản lượng; tăng cường kiểm tra chất lượng giống chè để phục vụ cho trồng chè mới năm 2024; thực hiện tốt quản lý vùng nguyên liệu chè tập trung, tăng cường mối liên kết giữa: Nhà nước - Doanh nghiệp - Nông dân trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Cây cao su: Tập trung chăm sóc diện tích cây cao su đã trồng, tiến hành khai thác mủ cao su đối với diện tích cho khai thác.

4.2. Chăn nuôi, thủy sản

Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), đẩy mạnh chăn nuôi lợn quy mô trang trại, gia trại, mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản lồng hồ và nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao.

a) Chăn nuôi:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, bảo đảm an toàn vệ sinh thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tập trung chăn nuôi đại gia súc, kết hợp trồng cỏ tại những nơi có điều kiện, thông qua các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ tự phát nhỏ lẻ, thả rông sang chăn nuôi có kiểm soát. Chủ động trong công tác phòng chống rét cho gia súc trong mùa đông, làm chuồng trại, dự trữ thức ăn.

- Hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh động vật của UBND các huyện, thành phố. Xử lý tốt dịch bệnh trong diện hẹp, không để dịch bệnh phát sinh, lây lan trên diện rộng.

b) Thuỷ sản:

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đánh bắt, khai thác thuỷ sản trên các hồ. Vận động nhân dân cải tạo, nạo vét ao chuồng, tu sửa diện tích ao bị thiệt hại, hư hỏng do thiên tai trong năm trước để đưa vào sản xuất.

4.3. Các chỉ tiêu về lâm nghiệp

Tập trung bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng chống, cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giống cây lâm nghiệp khi đưa vào thực hiện trồng rừng năm 2024.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có gắn với dịch vụ môi trường rừng. Thực hiện công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đơn đốc, chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ chủ động chuẩn bị vật tư, lựa chọn các loại giống (quế, cây gỗ lớn) có chất lượng để phục vụ đủ nhu cầu trồng rừng năm 2024 đạt hiệu quả đúng thời vụ.

- Tiếp tục đẩy mạnh các các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trong cộng đồng dân cư.

4.4. Các chỉ tiêu về nước sinh hoạt VSMT nông thôn

Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, từng bước xã hội hoá việc đầu tư phát triển và quản lý khai thác sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình nước sinh hoạt hiện có. Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung sửa các công trình đã xuống cấp và chỉ đầu tư xây dựng mới ở những địa bàn thực sự cần thiết.

- Phối hợp với UBND các huyện, Thành phố trong công tác quản lý sau đầu tư thực hiện các giải pháp nhằm từng bước khôi phục các công trình hoạt động kém hiệu quả, công trình không hoạt động.

4.5. Các chỉ tiêu về nông thôn mới

Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tổng hợp, xã hội hóa nguồn lực, ưu tiên ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện tối đa cho nông dân phát triển kinh tế, có tích lũy để tái sản xuất mở rộng và đầu tư phát triển; chủ động phát huy hiệu quả nguồn lực tại chỗ; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò quản lý của các cấp chính quyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn.

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm năm 2023, dự kiến kế hoạch 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- Đài PT&TH; Báo Lai Châu;
- UBND các huyện, TP;
- Cục thống kê tỉnh;
- Ngân hàng NN Chi nhánh Lai Châu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu